

Bài 10. DÂN SỐ VÀ SỨC ÉP DÂN SỐ TỚI TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG Ở ĐỚI NÓNG

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

HS cần :

– Biết được đới nóng vừa đông dân, vừa có sự bùng nổ dân số trong khi nền kinh tế còn đang trong quá trình phát triển, chưa đáp ứng được các nhu cầu cơ bản (ăn, mặc, ở) của người dân.

– Biết được sức ép của dân số lên đời sống và các biện pháp mà các nước đang phát triển áp dụng để giảm sức ép dân số, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

2. Về kĩ năng

– Luyện tập cách đọc, phân tích biểu đồ và sơ đồ về các mối quan hệ.

– Bước đầu luyện tập cách phân tích các số liệu thống kê.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Dân số, sự bùng nổ dân số và sức ép dân số là những vấn đề lớn hiện nay của đất nước. GV nên bám vào thực tế của địa phương để nêu vấn đề và cùng HS lí giải trong quá trình tìm hiểu bài mới.

2. Trong bài này, HS lần đầu làm quen với biểu đồ về mối quan hệ giữa dân số và lương thực gồm 3 đại lượng (dân số, lương thực và bình quân lương thực theo đầu người).

3. Với sơ đồ các mối quan hệ, bài này yêu cầu HS biết cách đọc và cách lập một sơ đồ, có thể dùng sơ đồ các mối quan hệ để tóm lược một nội dung, một bài học mà không cần viết dài dòng.

4. Trọng tâm bài học : Mục 2. Bài tập trọng điểm : Bài tập 2.

III – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– Sưu tập tư liệu của địa phương (tỉnh, huyện) để vẽ biểu đồ quan hệ giữa dân số và lương thực.

– Sưu tập các ảnh về tài nguyên và môi trường bị huỷ hoại do khai thác bừa bãi để minh hoạ thêm cho bài học.

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI MỚI

1. Lời giới thiệu

Trong lời giới thiệu này, GV cần nêu rõ :

– Dân số đới nóng chiếm gần 1/2 nhân loại nhưng tập trung quá đông ở một vài khu vực.

– Kinh tế chậm phát triển, chưa đáp ứng được các nhu cầu cơ bản hàng ngày của người dân trong khi đó lại xảy ra bùng nổ dân số.

Hậu quả là gây nên những tác động xấu của sức ép dân số đến tài nguyên và môi trường ở đới nóng.

2. Gợi ý dạy mục 1

Bước 1 : GV yêu cầu HS quan sát lược đồ 2.1 (Bài 2) và cho biết dân cư ở đới nóng phân bố tập trung vào những khu vực nào (Đông Nam Á, Nam Á, Tây Phi, Đông Nam Bra-xin). GV đặt tiếp câu hỏi : Dân số ở đới nóng chiếm gần 50% nhân loại nhưng lại chỉ tập trung sinh sống trong có 4 khu vực ấy, thì sẽ có tác động gì đến nguồn tài nguyên và môi trường ở những nơi đó ? (tài nguyên thiên nhiên nhanh chóng cạn kiệt ; môi trường, rừng, biển bị xuống cấp, tác động xấu đến nhiều mặt).

Bước 2 : GV yêu cầu HS quan sát biểu đồ 1.4 (Bài 1) và cho biết tình trạng gia tăng dân số hiện nay của đới nóng như thế nào ? (tăng tự nhiên quá nhanh, bùng nổ dân số). Trong khi tài nguyên, môi trường đang bị xuống cấp, thì sự bùng nổ dân số ở đới nóng có tác động như thế nào ? (tác động xấu đến tài nguyên, môi trường).

Bước 3 : Từ nhận xét trên, HS tìm ra 2 đặc điểm của dân số đới nóng là :

- Dân số đới nóng đông nhưng chỉ sống tập trung trong một số khu vực.
- Dân số đới nóng đông và vẫn còn trong tình trạng bùng nổ dân số.

Cuối cùng, GV kết luận : Trong khi nền kinh tế hiện nay của đới nóng còn đang phát triển thì 2 đặc điểm này của dân số sẽ gây sức ép nặng nề cho việc cải thiện đời sống người dân và cho tài nguyên, môi trường.

3. Gợi ý dạy mục 2

Bước 1 : GV giới thiệu biểu đồ về mối quan hệ giữa dân số với lương thực của châu Phi từ 1975 đến 1990, có 3 đại lượng và lấy mốc 1975 quy thành 100% (vì 3 đại lượng có giá trị không đồng nhất).

Sau đó, GV yêu cầu HS đọc và phân tích theo thứ tự :

- Đọc biểu đồ sản lượng lương thực : tăng từ 100% lên hơn 110%.
- Đọc biểu đồ gia tăng dân số tự nhiên : tăng từ 100% lên gần 160%.
- So sánh sự gia tăng của lương thực với gia tăng dân số : cả hai đều tăng nhưng lương thực không tăng kịp với đà gia tăng dân số.
- Đọc biểu đồ bình quân lương thực đầu người : giảm từ 100% xuống còn 80%.
- Tìm nguyên nhân làm cho bình quân lương thực sụt giảm : do dân số tăng nhanh hơn tăng lương thực.
- Tìm biện pháp nâng bình quân lương thực theo đầu người lên : giảm tốc độ tăng dân số, nâng mức tăng lương thực lên.

Bước 2 : GV cho HS phân tích bảng số liệu dân số và rừng ở Đông Nam Á từ 1980 đến 1990 :

- Dân số : tăng từ 360 lên 442 triệu người.
- Diện tích rừng : giảm từ 240,2 xuống 208,6 triệu hecta.
- Nhận xét về mối tương quan giữa dân số và diện tích rừng : dân số càng tăng thì diện tích rừng càng giảm.
- Tìm nguyên nhân giảm diện tích rừng : phá rừng lấy đất canh tác hoặc xây dựng nhà máy, lấy củi đun nấu, lấy gỗ làm nhà hoặc xuất khẩu để nhập lương thực và hàng tiêu dùng, ...

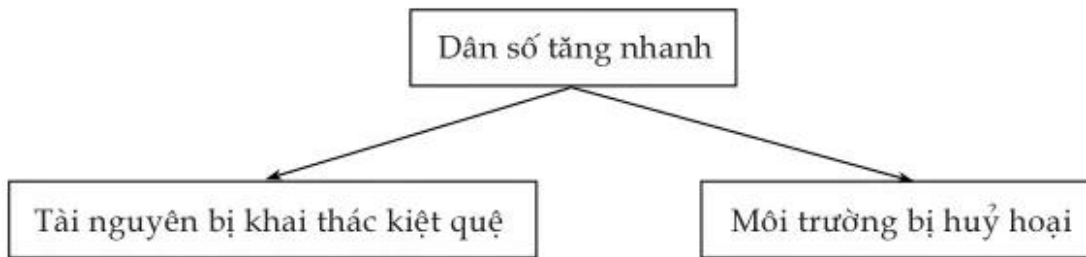
Bước 3 : GV gọi một HS đọc đoạn "Nhằm đáp ứng ... bị cạn kiệt" và yêu cầu HS nêu những tác động của sức ép dân số đến việc giải quyết các nhu cầu ăn, mặc, ở cho dân số đông và sự gia tăng tự nhiên dân số cao đã làm cho tài nguyên thiên nhiên (rừng, khoáng sản, đất trồng,...) bị cạn kiệt, suy giảm nhanh.

Tiếp đó, GV gọi một HS đọc đoạn "Bùng nổ dân số ... bị tàn phá" và yêu cầu HS nêu những tác động tiêu cực của dân số đến môi trường (thiếu nước sạch, môi trường tự nhiên bị huỷ hoại dần, môi trường sống ở các khu ổ chuột, ở các đô thị bị ô nhiễm,...).

V – GỢI Ý TRẢ LỜI CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CUỐI BÀI

Bài tập 1 nhằm luyện tập cách đọc sơ đồ các mối quan hệ cho HS và củng cố kiến thức vừa học.

Bài tập 2 cho HS biết cách lập một sơ đồ các mối quan hệ từ các kiến thức vừa học. Đây là một bài tập mở, HS có thể dựa vào các kiến thức vừa học như : "dân số tăng quá nhanh", "tài nguyên bị khai thác kiệt quệ", "môi trường bị huỷ hoại" để lập sơ đồ đơn giản như sau :



TÀI LIỆU THAM KHẢO

Dân số học đại cương – Nguyễn Kim Hồng – NXB Giáo dục, 1998 (trang 208 – 211).